

LUẬN PHẬT ĐỊA KINH QUYỂN 2

Kinh: “Đức Bạc-già-phạm này là bậc giác ngộ thanh tịnh nhất, hiện hành không hai, hưởng đến pháp Vô tướng trú trong trú xứ của Phật, đạt được tánh bình đẳng của tất cả Phật, đến nơi không còn chướng ngại, pháp không thể lay chuyển được, việc làm không có gì ngăn ngại, mọi sự thành lập không thể nghĩ bàn được. Đạo khắp pháp tánh bình đẳng của ba đời, thân tướng bao trùm tất cả thế giới, đối với tất cả các pháp thì trí tuệ không có gì nghi ngờ vướng mắc, đối với tất cả các hành thì thành tựu sự giác ngộ vĩ đại, đối với các pháp thì trí tuệ không có gì nghi hoặc. Tất cả thân tướng đã thị hiện không thể nào phân biệt. Tất cả các Bồ-tát đích thực mà câu trí tuệ, đạt được như Phật không khác, an trú trong bến bờ giải thoát thù thắng, không xen lẫn cùng với sự giải thoát của Như lai. Trí vi diệu cứu cánh chứng đắc không có nghĩa và hai phía, Phật địa bình đẳng đến tận cùng pháp giới, tánh bao phủ bầu hư không đến tận cùng thời gian vị lai”.

Luận: Sau đây để làm sáng tỏ chư Phật khác với Đại sư, nên nói về công đức thù thắng của Thế Tôn. Ngoài ra, vì muốn làm cho chúng sinh nảy sinh niềm tin tưởng thanh tịnh, cho nên nói công đức viên mãn của Đức Thế Tôn. Cho nên biết hai mươi một loại công đức thù thắng này làm sáng tỏ Bạc-già-phạm là đấng giác ngộ thanh tịnh hơn hết. Nghĩa là Phật Thế Tôn hóa hiện cảnh giới giác ngộ để mở mang sự giác ngộ cho cả hữu vi và vô vi.

Lại nữa, đối với mọi nơi thị hiện cảnh giới giác ngộ tịnh diệu viên mãn để mở bày, dẫn dắt đạt đến giác ngộ.

Lại nữa, đối với tất cả tánh như tánh vốn có ra sức hoàn thành tánh vốn có mà đích thực mở bày giác ngộ, gọi là đấng Bạc-già-phạm giác ngộ thanh tịnh nhất.

Hiện hành không hai, tức là chỉ rõ công đức thù thắng của Thế

Tôn hoàn toàn không còn chướng ngại. Nghĩa là hàng phàm phu, Nhi thừa đều hiện hành hai chướng, Đức Thế Tôn thì không có. Các phàm phu thì hiện hành theo sinh tử, phát sinh mọi thứ tạp nhiễm, sống bám víu trong sinh tử. Thanh văn-Độc giác thì hiện hành theo Niết-bàn, hoàn toàn quay lưng, từ bỏ việc làm đem lại niềm vui, lợi ích cho mọi người, mà vướng mắc vào Niết-bàn.

Đức Thế Tôn thì không có hiện hành theo hai chướng đó, cho nên gọi là hiện hành không hai.

Hướng tới pháp Vô tướng, là chỉ rõ phương tiện điều phục và giáo hóa của Đức Thế Tôn với nhiều công đức thù thắng, nghĩa là pháp Vô tướng, tức là Niết-bàn.

Đức Phật đã khéo thấu rõ hữu tình trong ba Thừa, vận dụng phương tiện khéo léo để điều phục và hóa độ tùy theo năng lực giác ngộ của họ, như thật nói cho họ, giúp họ hướng đến chứng ngộ pháp vô tướng.

Nơi Phật an trú là chỉ rõ công đức thù thắng của Đức Thế Tôn quán sát chúng sinh đã được điều phục-hóa độ, nghĩa là Ngài đã an trú trong tâm Đại Bi, quán sát thế gian suốt sáu thời, cả ngày đêm. Đạt được tánh bình đẳng của tất cả Phật là chỉ rõ Đức Thế Tôn đã đạt được công đức thù thắng, sự nghiệp giống như sự nghiệp của tất cả Đức Phật khác. Có nghĩa là chứng ngộ được sự nghiệp đầy tính bình đẳng như hết thảy chư Phật.

Đạt đến nơi không có chướng, là chỉ rõ công đức thù thắng của Đức Thế Tôn đã vĩnh viễn đoạn trừ mọi điều cần đối trị, là đã chứng ngộ được trí giải thoát tất cả hai chướng phiền não-sở tri và vĩnh viễn đoạn trừ tất cả chướng.

Pháp không gì lay chuyển, là chỉ rõ công đức thù thắng của Đức Thế Tôn đã hàng phục ngoại đạo, là tất cả ngoại đạo không thể nào làm trở ngại chánh pháp của Phật. Ngoại đạo bị hàng phục cho nên chánh đạo sáng tỏ.

Mọi việc làm không trở ngại là chỉ rõ công đức thù thắng của Thế Tôn đã chế ngự các thứ ma oán. Nói những việc làm là chỉ cho cảnh giới của sắc..., mọi việc làm ở cảnh giới đó dễ khiến loạn tâm, gây chướng ngại đến điều thiện, cho nên gọi là ma oán.

Chư Phật Thế Tôn với tâm khéo yên định và ý rất vui, cho nên ngoại cảnh không thể quấy nhiễu. Do đó, bao nhiêu công đức cũng hoàn thành một cách tốt đẹp, mỹ mãn, tất cả cảnh ma không thể gây trở ngại được. Vì Ngài có thể hàng phục chế ngự tất cả cảnh giới, vì vậy mọi việc làm đều không thể gây trở ngại, vì vậy nói là mọi việc làm

đều không ngăn ngại.

Mọi sự thành lập không thể nghĩ bàn được, tức là chỉ rõ công đức thù thắng của Thế Tôn đã an lập giáo pháp, là Phật an lập tất cả giáo pháp, siêu việt lên trên mọi cảnh giới tâm tư.

Đạo khắp pháp tánh bình đẳng của ba đời, là chỉ cho công đức thù thắng của Đức Thế Tôn đã ghi nhận trong ba đời, như trong hiện tại, Đức Thế Tôn ghi nhận mọi việc trong quá khứ, vị lai đều không chướng ngại.

Thân Phật bao trùm tất cả thế giới là chỉ rõ công đức thù thắng của Đức Thế Tôn từ cung trời Đâu-suất giáng trần hiện bày Hóa thân khắp tất cả nơi chốn trên thế giới, đồng thời bước vào thai mẹ.

Đối với tất cả pháp thì trí tuệ không có gì ngưng trệ, là chỉ rõ công đức thù thắng của Đức Thế Tôn đã đoạn tuyệt tất cả hoài nghi, đối với tất cả pháp Như Lai đã chứng được trí quyết định, có khả năng xua tan hết thảy mê lầm, ngờ vực.

Đối với tất cả hành thì thành tựu sự giác ngộ vĩ đại, là chỉ rõ đối với tất cả Thừa, Đức Thế Tôn đã tùy thuận căn cơ thích hợp, đã hóa độ tất cả hữu tình, chỉ rõ công đức thù thắng của tự thân, là Như Lai nhận biết rõ sự khác nhau về tính chất hành động của mọi loài hữu tình, tùy theo điều họ mong mà hóa hiện thân mình. Đối với tất cả pháp thì trí Như Lai không hề ngờ vực mê lầm là chỉ rõ trí của Đức Thế Tôn đã khéo thấu đạt một cách vi diệu về tất cả pháp, có khả năng tùy thuận với chúng sinh được thích ứng, luôn răn dạy tu tập công đức thù thắng, đối với người nào còn mê lầm hoài nghi với các pháp, không ai có khả năng tùy thuận ứng hiện để dẫn dắt họ, chỉ có Phật Thế Tôn với trí khéo léo quyết định chứng thấy các pháp, mới có thể tùy thuận với điều chúng sinh mong muốn để dẫn dắt họ, không hề ngừng nghỉ hay bỏ dở nửa chừng.

Hễ Như Lai hiện thân thì không thể phân biệt, là chỉ rõ công đức thù thắng của Đức Thế Tôn có khả năng thâm nhiếp chính đáng tự thân không để nhiễm ô. Có nghĩa là thân của chư Phật không phải được khởi hiện do sự phân biệt hư vọng, ở đó không có nghiệp phiền não nảy sinh, vì đã hoàn toàn xa lìa sự phân biệt tạp nhiễm, cho nên không phân biệt được.

Tất cả Bồ-tát cầu mong chân chánh đạt được trí, là chỉ rõ Đức Thế Tôn đã thành tựu phương tiện của công đức thù thắng, không để giống Phật bị cắt đứt, vì muốn cho giống Phật không đoạn tuyệt cho nên các Bồ-tát siêng năng tu tập gia hạnh chứ không phải là Thanh văn... Vì

thế, cho nên trí Phật chỉ có các Bồ-tát mới là người xứng đáng được mong cầu.

Được pháp không hai của Phật, an trú trong bến bờ giải thoát thù thắng là chỉ rõ công đức thù thắng của Thế Tôn với tự tánh thân phần, là tướng không sai biệt của Pháp thân Phật cho nên gọi là không hai.

Trú vào pháp không hai của Phật, tức là an trú vào Pháp thân, lấy Chân như làm Thế, tướng không sai khác, trong đó, tất cả sự phân biệt có hai tướng đều không hiện hành. Duyên vào tướng không sai biệt kia với tâm định thù thắng, thường trú trong Pháp thân đó, cho nên gọi là trú, tức là trú nơi không hai, gọi là bến bờ giải thoát thù thắng.

Phật đã đạt đến mức cùng cực, cho nên gọi là chứng đắc. Không đối đãi nhau trong xen tạp, là sự giải thoát của Như Lai được hướng dẫn do trí mầu nhiệm và cứu cánh là chỉ rõ công đức thù thắng của Thế Tôn thọ dụng thân phần, là hết thấy Như Lai với thân thọ dụng không cùng xen tạp, Thế của thân thọ dụng ấy đều riêng biệt.

Với trí mầu nhiệm, Như Lai có khả năng khiến tất cả chúng sinh đều được giải thoát, cho nên gọi là trí vi diệu, giải thoát của Như Lai.

Đức Phật đã đạt đến mức cứu cánh của trí này. Như vậy là nói về trí mầu nhiệm của Như Lai không xen tạp lẫn nhau, ngay như hiện thân thọ dụng trong Tịnh độ của Phật, cũng không xen tạp lẫn nhau.

Đức Phật hiện các loại thân trong đại hội cũng không lẫn lộn cùng với sự thọ dụng pháp lạc của các Bồ-tát.

Đức Như Lai đã hiện thân với trí ấy cũng đạt đến mức cứu cánh chứng ngộ không có chính giữa và một bên.

Phật địa bình đẳng là chỉ rõ công đức thù thắng của Đức Thế Tôn đã chứng ngộ tướng Chân như, tướng Chân như không có chính giữa và một bên của pháp hữu vi-vô vi, đã xa lìa tướng chính giữa và một bên của mọi nơi chốn, phương hướng.

Chân như như vậy tức là pháp tánh bình đẳng của Phật địa này chứng được tánh bình đẳng, của Phật địa này, cho nên Đức Như Lai hoàn toàn không nhiễm ô trong tất cả pháp hữu vi-vô vi... Cùng tận trong pháp giới là chỉ rõ công đức thù thắng của Đức Thế Tôn đã chứng ngộ được quả tướng, là đã chứng ngộ pháp giới thanh tịnh tột cùng.

Pháp giới như vậy là quả của tu đạo. Tiếp theo sau là hai loại công đức thù thắng, chỉ rõ công đức vô tận của Đức Thế Tôn.

Cùng tận tánh hư không và cùng tận thời gian vị lai, nêu rõ hai công đức thù thắng của Đức Thế Tôn là làm lợi mình và lợi người. Công đức không cùng tận, là như hư không dù trải qua bao kiếp thành-hoại

nhưng tánh nó vẫn thường không cùng tận. Tất cả công đức chân thật của Như Lai cũng lại như vậy, còn mãi không dứt hết, như thời gian của đời vị lai không có thời kỳ cùng tận. Công đức lợi ích cho mọi người cũng lại như vậy, cùng cực thời gian đời vị lai, Đức Thế Tôn luôn mang lại sự lợi ích yên vui cho tất cả hữu tình.

Lại nữa, phần chung và riêng trong đoạn kinh này đã chỉ rõ về công đức thù thắng của Đức Thế Tôn.

Câu đầu là chung. Các câu còn lại đã mở rộng nghĩa thù thắng đó.

Như vậy mới gọi là khéo giảng giải về pháp yếu.

Do hai mươi một câu nói về công đức thù thắng, cho nên gọi là Đấng giác ngộ thanh tịnh tối thượng.

Không có hai hiện hành, nêu rõ công đức dùng trí chuyển làm luôn luôn không chướng ngại đối với cảnh nhận biết của Đức Thế Tôn. Nghĩa là hàng Thanh văn... trí vẫn có chướng ngại đối với các cảnh giới, cần phải trải qua thời gian rất dài mới đến được vô biên sai biệt. Vì trong pháp của chư Phật họ không có trí chuyển biến. Như Lai thì không thế, bất cứ khi nào, ở đâu Ngài cũng có vô biên sai biệt. Trí nhất thiết chủng trong pháp Phật đều chuyển biến không có chướng ngại. Đối với các pháp tướng, Phật không còn hai hiện hành của vô tri, bất tri, cho nên nói là hiện hành không hai. Vì vậy cho nên gọi là Đấng giác ngộ thanh tịnh tối thượng.

Các câu còn lại đều cho nên phối thuộc như vậy.

Hướng đến pháp Vô tướng, chỉ rõ công đức thù thắng của Đức Thế Tôn có khả năng tiến vào ngõ không hai, nghĩa là chính mình có khả năng bước vào tự tướng vĩnh viễn là bỏ mọi phân biệt, giải thoát mọi trói buộc cấu uế của tất cả phiền não, xa lìa tướng có-không, đạt được Chân như thanh tịnh, cũng giúp cho kẻ khác có thể tiến vào cõi đó.

Trú nơi Phật an trú, chỉ rõ công đức thù thắng của Đức Thế Tôn, là làm Phật sự tự nhiên không ngừng nghỉ. Nghĩa là không cần dụng công trong việc làm lợi ích cho hữu tình không hề có sự gián đoạn. An trú nơi Thánh trú, Thiên trú và Phạm trú.

Đạt được tánh bình đẳng của tất cả Phật chỉ rõ công đức thù thắng của Đức Thế Tôn đã dựa vào ý lạc trong Pháp thân để tác nghiệp không sai biệt, là trí Chân như thanh tịnh của tất cả Phật, tất cả lợi ích, yên vui và ý lạc, thọ dụng biến hóa trong hai sự nghiệp lợi ích cho mọi người không khác nhau.

Đạt đến nơi không còn chướng ngại, chỉ rõ công đức thù thắng

của Thế Tôn đã tu tập tất cả pháp, đối trị hết mọi chướng ngại, là Đức Thế Tôn đã tu tập Thánh đạo đối trị tất cả phiền não và chướng sở tri, đã đạt đến nơi giải thoát tất cả chướng, nơi nương tựa và nơi hướng đến vốn gọi là Xứ.

Pháp không thể chuyển đổi, chỉ rõ công đức thù thắng của Đức Thế Tôn là không bị khuất phục bởi tất cả ngoại đạo, kẻ khác không làm đảo ngược được pháp giáo hóa và chứng ngộ của Phật.

Mọi việc làm không ngại, chỉ rõ công đức thù thắng của Đức Thế Tôn giảng sinh trong thế gian, nhưng pháp thế gian không hề gây trở ngại Ngài, là sinh trong thế gian, với tám loại pháp như lợi... đều không thể gây chướng ngại.

Chánh pháp của Thế Tôn đã được thành lập thì không thể tư duy-bàn luận, chỉ rõ công đức thù thắng của Đức Thế Tôn đã an lập chánh pháp, là mười hai phần giáo pháp thù thắng vượt lên trên tất cả hoạt động của tâm tư, không phải là điều mà hàng phàm phu tối tăm có thể suy lường được. Vì Như Lai diễn nói về tất cả tự tướng và cộng tướng, cho nên gọi là an lập.

Hiện bày diệu dụng trong pháp tánh bình đẳng của ba đời, chỉ rõ công đức thù thắng của Đức Thế Tôn, có khả năng chính thức ghi nhận, thì mọi cú nghĩa lưu chuyển trong ba đời, dù hiện tại hay vị lai, lần lượt Ngài ghi nhớ hết một cách chính xác diệu ký. Ghi nhớ việc quá khứ-vị lai cũng giống như trong hiện tại, ghi nhận rõ ràng thuận hợp cho nên gọi là bình đẳng.

Thân Phật trải khắp cả thế giới chỉ rõ công đức thù thắng của Đức Thế Tôn, trong cùng một lúc Ngài hiện thân khắp tất cả thế giới, thị hiện thân thọ dụng và thân biến hóa mà nghĩa là trong tất cả thế giới vô biên, tùy nơi giáo hóa, Như Lai đều hóa hiện sắc thân mẫu nhiệm như lưu ly... Với tất cả các pháp, trí không nghi ngờ ngưng trệ nêu rõ công đức thù thắng của Đức Thế Tôn đã đoạn trừ mọi nghi, tức là luôn tự quyết định mới có thể khiến cho kẻ khác sinh tâm quyết định. Đối với tất cả việc làm đều thành tựu sự giác ngộ vĩ đại, chỉ rõ công đức thù thắng của Đức Thế Tôn, đã nhập vào vô số các hành, là tùy thuận các hữu tình được giáo hóa, Ngài đã hiện thân đồng loại, mà giúp cho họ ngộ nhập.

Đối với các pháp, trí Phật không có mê lầm nghi hoặc, chỉ rõ công đức thù thắng của Đức Thế Tôn, thấu đạt pháp ở tương lai, phát sinh trí mẫu nhiệm, nghĩa là vượt lên trên cảnh giới hạn hẹp của Thanh văn..., Đức Thế Tôn đã khéo gieo trồng chủng tử như hạt giống vàng li ti trong

đồng ngói đá. Những cảnh giới như vậy, đều không có tướng điên đảo, vì Ngài đều nhận biết tất cả.

Đức Thế Tôn hiện thân thì không thể phân biệt, chỉ rõ công đức thù thắng của Đức Thế Tôn, tùy theo sự hiểu biết của chúng sinh, Ngài đều hiện đúng như vậy, là Phật Thế Tôn dù không phân biệt như ngọc báu Ma-ni nhưng nhờ năng lực tăng thượng của Như Lai, cũng nhờ sức kiến giải tốt đẹp của tự thân cho nên trông thấy thân Như Lai như sắc vàng... Nhưng các Như Lai không có phân biệt, không phân biệt khác lạ, nói rộng như trong kinh.

Hoặc đồng với chủng loại kia cho nên không thể phân biệt được.

Tất cả Bồ-tát đã chân chánh mong cầu đạt trí Phật, chỉ rõ công đức thù thắng của Đức Thế Tôn, Ngài là chỗ nương tựa, đã giáo hóa vô lượng hữu tình bằng phương tiện điều phục. Nghĩa là nhờ vô lượng Bồ-tát làm chỗ dựa mà mọi hữu tình được điều phục bằng phương tiện. Nhờ diệu lực tăng thượng của Như Lai ấy mà Bồ-tát được nghe chánh pháp, tư duy tu tập theo thứ tự, chứng được trí mầu nhiệm. Bồ-tát thuộc chủng loại khác tiếp nhận lời dạy dò phó thác của Như Lai, lần lượt nối tiếp nhau vận chuyển chánh pháp không có gián đoạn.

Được pháp không hai của Phật an trú trong bốn bờ giải thoát thù thắng chỉ rõ công đức thù thắng của Như Lai thành tựu cùng tận Pháp thân bình đẳng Ba-la-mật, là đối với Pháp thân không hai của Phật địa, tất cả Ba-la-mật-đa như bố thí... đều bình đẳng viên mãn không xen tạp lẫn nhau.

Trí vi diệu giải thoát cứu cánh của Như Lai, chỉ rõ công đức thù thắng của Đức Thế Tôn, tùy theo sự hiểu biết tốt đẹp của chúng sinh để thị hiện cõi Phật thanh tịnh, là quán sát sự sai biệt về kiến giải của loài hữu tình, thị hiện các cõi Phật toàn bằng vàng ròng... không xen tạp lẫn nhau.

Chứng ngộ Phật địa bình đẳng không có chính giữa và một bên, chỉ rõ công đức thù thắng của Đức Thế Tôn là ba thân không hạn lượng, dù ở đâu, phương hướng nào, là chứng ngộ bình đẳng không có ban đầu-chính giữa và sau cùng. Ba thân của chư Phật trong Tịnh độ Phật của Phật địa không có tất cả phần giới hạn, dù là nơi chốn hay phương hướng nào.

Cùng tận nơi pháp giới, chỉ rõ công đức thù thắng của Đức Thế Tôn là tiến đến tận cùng giới hạn sinh tử, thường xuất hiện, mang lại lợi ích yên vui cho tất cả chúng hữu tình. Có nghĩa là pháp giới này thật thanh tịnh. Đi hết cảnh giới sinh tử, thường xuyên khởi niệm về các

pháp Đẳng lưu-Khế kinh... để giáo hóa hữu tình đời vị lai, như sự thích ứng, như thời gian luôn hiện khởi, mang lại sự lợi ích, yên vui. Tận cùng tánh hư không, đi hết giới hạn vị lai, chỉ rõ công đức thù thắng cứu cánh và vô tận của Thế Tôn, là như hư không luôn luôn không có cùng tận.

Pháp giới của chư Phật khởi hiện công đức lại cũng như vậy, bởi vì không cùng tận. Như giới hạn của vị lai không có thời kỳ cùng tận, vì lợi ích yên vui của chúng hữu tình mà gia công tu hành, không lúc nào nghỉ ngơi.

Công đức của chư Phật vì tánh là thường còn, vô tận. Cứu cánh là tánh vô thường, mãi mãi nối tiếp nhau không gián đoạn, cứu cánh vô tận không thể nói là cố định. Pháp thân thanh tịnh của Phật là lý tánh của pháp giới, là tánh công đức cho nên nói thường còn. Công đức của hai thân thọ dụng, biến hóa, dù tánh nó vô thường, nhưng vẫn không đoạn tận, hoàn toàn không cùng tận. Từ xưa, tất cả Như Lai đều phát nguyện rộng lớn, chúng hữu tình mà cầu mong đạo quả Bồ-đề vĩ đại. Nếu các hữu tình đều được diệt độ thì bấy giờ công đức hữu vi của chư Phật sao không đoạn diệt? Nhưng bởi vì các cõi hữu tình đều không bao giờ diệt độ hết, cho nên công đức của Phật cũng không bao giờ đoạn diệt. Tại sao? Vì pháp vốn là như vậy.

Từ vô thủy đến nay, tất cả hữu tình có năm chủng tánh:

1. Chủng tánh Thanh văn.
2. Chủng tánh Độc giác.
3. Chủng tánh Như Lai.
4. Chủng tánh không quyết định.
5. Chủng tánh không có công đức xuất thế.

Như kinh luận khác có giảng nói rộng về các tướng này. Phân biệt kiến lập bốn chủng tánh trước, tuy không có thời hạn nhất định, nhưng có thời kỳ cuối cùng diệt độ, vì tâm Từ Bi cho nên chư Phật dùng phương tiện khéo léo dẫn dắt. Chủng tánh thứ năm không có nhân của công đức xuất thế, cho nên hoàn toàn không có thời kỳ được diệt độ. Chư Phật chỉ có thể vì họ dùng phương tiện thị hiện thần thông, nói pháp xa lìa cõi ác-sinh cõi thiện, dù họ y theo lời Phật dạy siêng năng tu tập nhân thiện, được sinh trong thế giới loài người, cho đến Phi tướng phi phi tướng xứ, nhưng chắc chắn vẫn còn lui sụt rơi vào các cõi ác.

Chư Phật lại dùng phương tiện vì họ hiện thần thông giảng nói pháp, giáo hóa. Họ lại tu tập điều tốt, được sinh vào cõi tốt. Nhưng về sau lại lui bước, bị sa đọa, chịu mọi khổ não. Chư Phật lại vận dụng phương tiện cứu vớt.

Cứ lần lượt như vậy, cùng tận thời gian vị lai, cũng không thể nào khiến họ hoàn toàn được diệt độ. Mặc dù trong kinh khác đã diễn nói: “Tất cả loài hữu tình đều có tánh Phật, đều sẽ thành Phật”. Nhưng căn cứ vào Phật tánh-pháp thân Chân như, hoặc căn cứ vào một phần phương tiện cho tất cả hữu tình mà nói, là để giúp cho hữu tình thuộc chủng tánh không quyết định, có quyết định nhanh chóng hưởng về quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do đạo lý này, công đức đem lại lợi ích yên vui cho hữu tình của chư Phật không có đoạn hết. Công đức lợi người như vậy dựa vào công đức lợi ích mình, cho nên không hề đoạn tuyệt. Vì vậy, công đức hữu vi của Như Lai từ nhân mà sinh, tuy trong mỗi ý niệm có diệt nhưng không hề đoạn tuyệt. Do công đức của Phật cứu cánh không cùng tận, cho nên Ngài thành tựu giác ngộ thanh tịnh vô cùng.

Các câu còn lại đều cho nên phối thuộc từng câu một như vậy.

Vì sao trước nói Tịnh độ của chư Phật, rồi sau lại nói đến công đức của Đức Thế Tôn như vậy? Bởi vì làm sáng tỏ công đức của chư Phật như vậy đều nương vào Tịnh độ, là làm sáng tỏ Đức Thế Tôn dựa vào cõi Phật thanh tịnh đầy đủ công đức như vậy, để giảng về kinh này.

Tiếp theo là hiển bày quyến thuộc viên mãn của Thế Tôn, nghĩa là Đại Thanh văn và Đại Bồ-tát. Trong kinh khác nói: “Điều thuận-điều thuận mà trở thành quyến thuộc-giải thoát, giải thoát mà trở thành quyến thuộc”. Đó gọi là quyến thuộc viên mãn của Như Lai.

Đây là nói vô lượng chúng Thanh văn và vô lượng Đại Bồ-tát đều hiện diện đông đủ, tất cả điều thuận đều là Phật tử... đều an trú trong Đại thừa, hiện bày diệu dụng của Đại thừa.

Theo thứ tự đó, quyến thuộc Thanh văn và Bồ-tát đều viên mãn, nhưng vì sao trong này trước nói Thanh văn, sau nói Bồ-tát? Vì có người nảy sinh nghi ngờ đối với Đại thừa. Để trừ bỏ sự ngờ vực đó, cho nên dẫn dắt chúng chủng tánh bất định làm cho Bồ-tát nảy sinh niềm tin tưởng quyết định. Vì đã thanh tịnh cho nên các Đại Thanh văn đã từ bỏ sự tôn quý và kiêu mạn của mình. Nghĩa là đối trước chúng, hàng Đại Thanh văn được hầu cận bên Đức Thế Tôn, được gần gũi tiếp nhận sự giáo hóa... Và lại, các Thanh văn thường xuyên theo sát bên cạnh Phật, vì hình dáng giống như Phật, cho nên thành quyến thuộc bên trong. Hơn nữa, Đức Phật muốn cho Bồ-tát sinh tâm cung kính đối với chúng Thanh văn, như Khế Kinh: “Bồ-tát không cho nên không sinh tâm cung kính chúng Thanh văn”. Do đó, Đức Phật vẫn khen ngợi công đức của Thanh văn, cũng khiến cho hầu hết đều phát sinh niềm tin tưởng thanh tịnh đối

với chúng Thanh văn.

Trong hội này, cũng có các chúng khác cùng kiết tập pháp. Sở dĩ nói giảng lược có hai chúng Bồ-tát và Thanh văn, là chỉ rõ sự tốt đẹp của họ. Như phần sau kinh này nói: “Tất cả đại chúng Trời, Người, A-tổ-lạc... trong thế gian, sau khi nghe Phật giảng nói, đều vô cùng hoan hỷ, tin tưởng tiếp nhận lời Phật dạy và vâng làm”.

Trước đây đã nói Tịnh độ rất tự tại, lấy thức thanh tịnh làm tướng, tại sao trong hội này lại có Thanh văn... mà không mâu thuẫn? Không có gì là mâu thuẫn. Vì các Thanh văn... cùng chung cách nhìn của Bồ-tát thì trở thành mâu thuẫn nhau. Nếu Thanh văn... cũng nhận thấy như vậy thì có thể nói lời này.

Các Thanh văn... mặc dù được tham dự đại hội này, nhưng cách nhìn và nghiệp tốt đẹp-thanh tịnh, bị chướng ngại cho nên cũng như người mù không trông thấy.

Với cảnh giới tốt đẹp, thanh tịnh như vậy, thật khó nêu bày hết. Đã không thể trông thấy thì không cho nên ở trong chúng. Vì dù không trông thấy Tịnh độ như vậy, nhưng vẫn trông thấy cõi nước cấu uế, vì Hóa thân Phật nói. Mặc dù cùng ở trong một hội, nhưng vì năng lực nơi nghiệp của mình, mà điều trông thấy đều khác nhau. Như trông thấy vàng ròng cho là lửa... Như bốn loại chúng sinh cùng ở chung một nơi chốn, nhưng mỗi loài đều thấy khác biệt, sự trông thấy không đồng nhau. Hoặc là Như Lai dùng sức thần thông gia bị, khiến tạm thời được trông thấy Tịnh độ và nghe pháp mâu nhiệm. Đây là năng lực không thể tư duy, luận bàn của Như Lai, không thể vấn nạn. Dùng căn cơ-địa vị và cảnh giới mà hóa độ cũng không sai lầm, vì muốn pháp hội thuyết giảng được trang nghiêm, cho nên hoặc là Phật hóa hiện ra hoặc là các Bồ-tát hóa hiện ra.

Kinh: “Cùng với vô lượng chúng đại Thanh văn quy tụ. Tất cả đều là Phật tử điều thuận, tâm khéo giải thoát-tuệ khéo giải thoát, giới hết sức thanh tịnh-mong cầu được pháp lạc. Nghe nhiều và giữ lại điều nghe được mà tích tập những điều được nghe, khéo tư duy những điều nên tư duy, khéo bàn luận những điều nên bàn luận, khéo thực hiện những điều nên thực hiện. Tuệ nhanh nhạy-tuệ mau chóng, tuệ sắc bén-tuệ xuất ly, tuệ quyết định chọn lựa tốt đẹp-tuệ vĩ đại, tuệ rộng rãi và tuệ không có gì sánh bằng. Tuệ quý báu thành tựu đầy đủ ba Minh, đạt đến nơi an trú trong pháp lạc hiện tại bậc nhất. Ruộng phước vô cùng thanh tịnh, oai nghi vắng lặng sâu xa, nhu hòa nhẫn nhục hết sức, thành tựu không có giảm bớt, đã khéo vâng mạng thực hành Thánh giáo vô

thượng của Như lai.”

Luận: Vô lượng chúng Đại Thanh văn là số lượng rất nhiều, khó có thể tính toán, cho nên gọi là vô lượng. Nghe tiếng nói của Phật mà ngộ nhập Thánh đạo, cho nên gọi là Thanh văn. Cùng là Tăng xuất gia, cho nên gọi là chúng. Tất cả đều là hàng lợi căn tốt bậc, là Thanh văn thuộc chúng tánh Ba-la-mật-đa cho nên gọi là Đại. Có nghĩa là đều an trú trong quả vị Vô học, cho nên gọi là Đại.

Theo nghĩa như thật, thì đều là chúng tánh Thanh văn không quyết định, chứng được quả vị nhỏ, mà hướng tới đại Bồ-đề, cho nên gọi là Đại, hoặc vì số lượng nhiều của chúng này, cho nên gọi là Đại.

Như đại chúng hôm nay tất cả đều điều thuận có nghĩa là bậc Hữu học xa lìa kiến chấp, đã đoạn trừ một trăm mười hai loại phiền não phân biệt thô nặng. Không cần dây cương kiềm chế mà như con ngựa hay, cho nên gọi là điều thuận.

Có nghĩa là bậc Vô học xa lìa kiến tu đã đoạn trừ một trăm hai mươi tám loại phiền não. Không cứng nhắc mà như vàng ròng, cho nên gọi là điều thuận.

Nghĩa như thật thì đều là bậc hồi hướng về chúng tánh Bồ-đề, tất cả đều có năng lực phát tâm hướng tới quả Đại thừa. Theo ý Phật mà chuyển biến, như voi thông minh sáng suốt, cho nên gọi là điều thuận. Nhờ diệu lực giáo hóa của Phật, xuất sinh từ Thánh đạo, cho nên gọi là Phật tử. Như nói: “Đều từ miệng của Đức Thế Tôn sinh, do chánh pháp sinh”.

Có nghĩa; đều là hướng về Đại Thanh văn, có thể kế thừa chúng tử Phật khiến không đoạn tuyệt, cho nên gọi là Phật tử.

Tâm khéo giải thoát, là xa lìa tham dục trong ba cõi, như nói: “Xa lìa tâm tham lam, được giải thoát”.

Tuệ khéo giải thoát, là đã xa lìa tất cả vô minh cấu nhiễm, như nói: “Xa lìa vô minh cho nên tuệ được giải thoát”.

Giới hết sức thanh tịnh là như Khế Kinh: “Đây đủ sáu chi, gọi là giới hết sức thanh tịnh”. Nghĩa là an trú trong Thi la thanh tịnh, khéo tự mình giữ gìn, phân biệt giải thích tường tận về quy tắc của luật nghi và cách thức thực hành đều đầy đủ. Đối với tội lỗi dù nhỏ nhất, đều cảm thấy rất sợ hãi, tiếp nhận học-học xứ hoặc là đều chứng được giới vô lậu, cho nên gọi là hết sức thanh tịnh.

Nghĩa như thật an trú trong quả vị Vô học, hồi hướng Đại thừa. Tự phần giới thanh tịnh, tu tập giới Bồ-tát, cho nên gọi là hết sức thanh tịnh.

Mong cầu được pháp lạc, khi cầu chánh pháp thì muốn hưởng đến niềm vui của Đại thừa, nghĩa là cầu Bồ-đề Phật chứ không mong cầu việc gì khác. Hoặc vào lúc cầu pháp, vì khiến cho người khác ưa thích pháp mà không tìm kiếm lỗi lầm của họ, xa lìa oai nghi xấu ác.

Nghĩa như thật, Đại Thanh văn này chuyên cầu pháp lạc, không mong cầu tiếng khen, lợi dưỡng và sự cung kính.

Vô lượng kinh sách trong các phần đầu, giữa và sau đều có thể nghe và tiếp nhận, cho nên gọi là nghe nhiều (Đa văn). Theo nghĩa đã nghe được đều có thể nhớ giữ, khiến không quên mất, cho nên gọi là nghe giữ. Thường xuyên học tập văn nghĩa cho được vững chắc, cho nên nói là nghe pháp rồi gom góp tích lũy.

Người ngu nơi thế gian, nghĩ tưởng ác khi tư duy, lời nói hung dữ khi nói năng, làm việc ác khi hành động. Bạc Thánh xuất thế thì vượt qua những pháp ấy và trái ngược với pháp ấy cho nên nói là khéo tư duy, khi tư duy, khéo bàn luận điều cần bàn luận, khéo thực hiện điều cần thực hiện.

Ba nghiệp thanh tịnh tùy theo việc làm của trí tuệ. Đối với pháp Tỳ-nại-da Phật đã giảng dạy đều nhanh chóng ngộ nhập với ý nghĩa cho nên gọi là tuệ nhanh nhạy. Ngay trong những pháp ấy đa số đều hội nhập với diệu nghĩa, cho nên gọi là tuệ nhanh nhạy. Vì có thể làm nhiều việc, cho nên gọi là nhanh nhạy. Ngộ nhập nghĩa vi tế, cho nên gọi là tuệ sắc bén. Diệu tuệ có khả năng ra khỏi sinh tử cho nên gọi là tuệ xuất ly. Tuệ này có khả năng làm nhân trọn vẹn cho Niết-bàn, cho nên gọi là tuệ quyết định lựa chọn tốt đẹp. Quyết định lựa chọn tốt đẹp tức là Niết-bàn. Vì tuệ này có thể làm liễu nhân cho Niết-bàn, dựa vào Niết-bàn mà đặt tên. Vì hỏi đáp có tính chất quyết định lựa chọn không cùng tận, nên gọi là tuệ vĩ đại.

Vì khéo thông đạt sâu rộng, viên mãn, cho nên gọi là tuệ rộng lớn. Có căn bản lại giảng nói về tuệ hết mực thâm diệu, nghĩa là người khác không có khả năng đạt tới chỗ sâu xa của nó. Đối với các chúng Thanh văn thuộc căn tánh mềm mỏng thì tuệ này cao vượt hơn, cho nên gọi là tuệ không có gì sánh bằng. Tuệ này có khả năng dẫn về ý nghĩa cao tột cho nên gọi là tuệ quý báu. Các Thanh văn này có đủ tuệ quý báu ấy, cho nên gọi là tuệ báu thành tựu.

Đây đủ ba minh là chứng được ba minh của bậc Vô học.

Sao gọi là ba minh của bậc Vô học? Đó là:

1. Trí chứng đắc thông minh, theo nhớ nghĩ mà biết chỗ ở từ kiếp trước.

2. Trí chứng đắc thông minh về sinh tử.

3. Trí chứng ngộ thông minh về hữu lậu đã diệt trừ.

Bậc Vô học với căn cơ nhạy bén chứng được ba thông, loại bỏ cái ngu nhiễm ô, mà không bị nhiễm ô trong ba đời cho nên nói là có ba minh.

Có nghĩa, minh là dùng tuệ làm tánh, tuệ có thể trừ diệt sự tối tăm, cho nên nói là minh.

Có nghĩa, không si mê thì lấy thiện căn làm tánh mà trái ngược với vô minh.

Đạt đến nơi an trú trong pháp lạc hiện tại bậc nhất là chứng được tĩn lực thù thắng không thối chuyển.

Ruộng phước vô cùng thanh tịnh là vĩnh viễn xa lìa phiền não, như ruộng tốt ở đời có khả năng nhanh chóng sinh trưởng quả rộng lớn.

Oai nghi vắng lặng sâu xa là tất cả oai nghi đều an trú trong sự nhận biết đúng đắn (chánh tri).

Nhu hòa nhẫn nhục hết sức-thành tựu không có giảm bớt là có khả năng chịu đựng khổ để sống chung.

Đã khéo vâng mạng thực hành Thánh giáo vô thượng của Như Lai, làm mọi công việc đã làm đều được viên mãn. Thánh giáo của Như Lai vốn muốn đưa chúng hữu tình ra khỏi mọi đau khổ của sinh tử. Các Thanh văn này đã tiến lên quả vị Vô học, đều ra khỏi sinh tử, cho nên đã khéo vâng mạng thực hành Thánh giáo vô thượng của Như Lai. Nếu như vậy thì tại sao Đức Như Lai lại còn giảng nói pháp cho họ? Vì Đức Như Lai muốn họ hồi hướng đại Bồ-đề.

Các Thanh văn này đều an trú trong bậc Vô học. Khi báo thân này chấm dứt, thì chắc chắn họ bước vào cảnh giới Niết-bàn vô dư hoàn toàn vắng lặng, tịch tĩnh an lạc không khác gì Phật. Như luận khác nói: “Vì sao Như Lai lại hướng dẫn họ đến đại Bồ-đề, để phải chịu khổ trong một thời gian dài? Nhưng trong phần vị biến dịch sinh tử, họ không còn nhận chịu các khổ. Đây có lỗi gì? Vì còn có hành khổ thì đây là một lỗi lớn”. Tuy phải trải qua khổ này để được ba thân công đức của Như Lai đại hỷ đại lạc cho nên không có lỗi. Hết thấy sự an lạc lớn không gì hơn Niết-bàn, Thanh văn kia đã chứng đắc sao lại có một số ít phải cầu Bồ-đề Niết-bàn?

Mặc dù đã có được sự tịch diệt yên vui, nhưng không thọ nhận niềm vui, còn sự yên vui của ba Bồ-đề thì đoạn tuyệt mọi thọ lạc... và đã đầy đủ vô lượng công đức rồi thì đâu cần phải hành khổ để được niềm vui hữu vi.

Hữu vi vô lậu cũng như Niết-bàn, vì vô lậu này không phải thuộc về hành khổ. Và lại, nếu đã thành Phật thì có thể giáo hóa, vô lượng hữu tình được Phật hóa độ đều ra khỏi sinh tử. Đã thành Phật thì không có khả năng này sao?

Kể từ vô thủy đến nay pháp chúng sinh là như vậy, như vậy chủng tánh có thể giáo hóa và được giáo hóa đều tùy thuộc vào nhau. Nếu không tùy thuộc nhau, thì không thể giáo hóa. Vì vậy Đức Như Lai đã vận dụng mọi thứ phương tiện để giáo hóa các hữu tình khiến cho họ đều được quả vị Phật.

Giáo hóa chúng sinh được giáo hóa, nếu vậy thì Thanh văn hoặc trừ bảy đời, hoặc trừ một đời, hoặc trừ một đời ở mỗi mỗi nơi thuộc cảnh giới trên. Tất cả đời còn lại đều được phi trạch diệt, hoặc tất cả đời đều phi trạch diệt. Sao lại phải trải qua ba vô số kiếp tu nhân Bồ-đề mới được thành Phật?

Mặc dù các phiền não đã làm tăng trưởng phần đoạn và được phi trạch diệt, nhưng do nguyện lực mà thọ nhận biến dịch sinh tử, trải qua ba vô số kiếp tu nhân Bồ-đề không có lỗi lầm gì.

Phi trạch diệt là các duyên không đủ, hoàn toàn không sinh trong thời gian này, không phải là vĩnh viễn không sinh. Thanh văn kia dù lưu trú theo sinh tử trong thời gian dài, nhưng do định trong nguyện lực nuôi dưỡng mà cảm sinh ra nhân, khiến cho công năng của nhân có thể sinh ra kết quả trong nhiều thời gian. Chính trong một thân này đã lần lượt tăng tiến tốt đẹp cho đến khi thành Phật. Như pháp kéo dài sự sống, lại không thọ sinh cho nên luận mới nêu bày:

Hỏi: Thanh văn hồi hướng Bồ-đề là trú trong cảnh giới Niết-bàn vô dư y hay là trú trong cảnh giới Niết-bàn hữu dư y để phát tâm hướng về Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề?

Đáp: Chỉ trú trong cảnh giới Niết-bàn hữu dư y mới có thể có việc này. Vì sao? Vì trong cảnh giới Niết-bàn vô dư y, hoàn toàn xa lìa tất cả sự nghiệp phát tâm hướng đến... tất cả công dụng đều được ngưng dứt.

Hỏi: Nếu chỉ trú trong Niết-bàn hữu dư y để phát tâm hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, thì làm sao chỉ một đời mà có thể chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Vì sao? Vì A-la-hán... đâu còn một đời nào khác nữa, hướng là có nhiều đời nối tiếp nhau?

Đáp: Bởi vì Thanh văn kia cần phải gia tăng các hạnh sống lâu thì mới có thể hoàn thành. Đức Thế Tôn phần nhiều đều dựa vào số Thanh văn hồi hướng Bồ-đề này mà mật ý nói: “Nếu có người nào khéo tu tập bốn thần túc thì có thể sống một kiếp, hoặc hơn một kiếp”. Hơn một

kiếp; trong này ý nói là trải qua một kiếp. Thanh văn kia, dù gia tăng hạnh sống lâu thêm và phát tâm hướng về Bồ-đề vô thượng, nhưng sự tu hành rất chậm chạp cho nên ưa chuộng Niết-bàn, không bằng Bồ-tát mới phát tâm và bắt đầu sự nghiệp.

Thanh văn kia đã tu hành gia tăng tuổi thọ như vậy xong, còn lưu lại căn thân hữu vi để riêng tạo ra hóa thân khác.

Pháp đồng là trong phương tiện trước, thị hiện nhập Niết-bàn trong Niết-bàn vô dư y. Do nhân duyên này cho nên đều nảy sinh cảm nghĩ: Tôn giả kia với danh hiệu đó đã nhập Niết-bàn trong cảnh giới Niết-bàn vô dư y. Thanh văn ấy vì đã để lại thân thật với căn hữu lậu, tức là tùy thuộc vào những gì họ ưa thích trong châu Thiệm-bộ ở cõi này, xa lìa rồi an trú. Tất cả chư Thiên hãy còn không thể nhìn thấy, huống chi là các chúng sinh khác có thể trông thấy. Vì Thanh văn ấy đa số đều thích an trú trong cảnh giới Niết-bàn, hiện bày diệu dụng đến khắp mọi thế giới để thân cận cúng dường Phật, Bồ-tát và tu tập làm hành trang cho Bồ-đề trong Thánh đạo. Nếu khi phóng dật thì chư Phật và Bồ-tát thường xuyên thức tỉnh họ. Khi Thanh văn kia đã tỉnh biết rồi, có thể không còn phóng dật trong công phu tu hành nữa.

Lại nữa, Thanh văn hồi hướng Bồ-đề, hoặc đối với quả vị Hữu học, thì có thể từ bỏ ước nguyện mong cầu Thanh văn. Hoặc ở quả vị Vô học, mới có thể buông bỏ hẳn, vì căn tánh của Thanh văn ấy có sự khác biệt, phải chờ đợi các duyên mới có sự khác biệt.

Như vậy, nếu trong quả vị Vô học, Thanh văn hồi hướng Bồ-đề do nguyện lực của định cho nên thường xuyên nuôi dưỡng cho nhân xưa kia cảm đến thân hiện tại, khiến cho xuất sinh quả báo nối tiếp nhau trong thời gian lâu dài, dần dần tốt đẹp thêm, mãi cho đến khi thành Phật thì công năng mới hết. Quả báo này dù là trực tiếp cảm từ nhân hữu lậu, nhưng do sức hỗ trợ nuôi dưỡng của định và nguyện vô lậu, gọi là sinh tử biến dịch không thể tư duy, luận bàn. Vì định và nguyện vô lậu thì không thể tư duy-luận bàn, cho nên nếu ở quả vị Hữu học hồi hướng Bồ-đề, thì hoặc tùy thuận với phiền não mà cảm sinh thế lực. Chiêu cảm phiền não này sinh rồi, đến đời sống sau cùng, Thanh văn hàng phục được các phiền não, phát sinh năng lực của định, nguyện, giúp đỡ cho nhân của thân đời sau, như đạo lý trước, cho đến khi thành Phật. Hoặc khi hồi tâm rồi, liền dẹp bỏ phiền não, phát sinh nguyện lực của định hỗ trợ cho nhân của thân hiện tại, như đạo lý trước, cho đến khi thành Phật.

Mọi công dụng vô lậu giúp đỡ cho năng lực của định-nguyện,

không phải là phiền não, nghĩa là đều thuộc về thân biến dịch không thể tư duy luận bàn, hoặc sức phiền não đã chiêu cảm dị thực thuộc về thân phần đoạn.

Nếu nói Thanh văn là người đã được tạo tác, hóa hiện thì không cần phải phân biệt hỏi đáp như vậy.

Kinh: “Lại có vô lượng Đại Bồ-tát từ cõi nước chư Phật cùng đến dự pháp hội, đều an trú trong Đại thừa, đều hiện bày diệu dụng trong pháp Đại thừa. Đối với các chúng sinh, tâm của các vị ấy đều bình đẳng, lìa mọi sự phân biệt và không phân biệt về vô số các thứ phân biệt, dẹp tan các ma oán, xa rời mọi sự phân biệt do ý niệm ràng buộc của hàng Thanh văn, Độc giác.

Pháp vị rộng lớn và sự vui mừng được duy trì, đã vượt qua năm thứ sợ hãi, luôn luôn hướng đến hội nhập với quả vị không thối chuyển, dứt hết tất cả cảnh giới khổ não bức bách của các chúng sinh hiện tại, Bồ-tát Diệu Sinh là bậc thượng thủ”.

Luận: Nói Đại Bồ-tát, nghĩa là các Tát-đỏa cầu đạt Bồ-đề. Đây là chung cho cả ba Thừa, vì nói giản lược, cho nên chỉ lấy Đại thừa, còn cần phải nói thêm từ Ma-ha-tát. Lại duyên lấy Bồ-đề Tát-đỏa làm cảnh giới, cho nên gọi là Bồ-tát, là người có đầy đủ đại nguyện lợi mình-lợi người, mong cầu đại Bồ-đề, vì lợi ích cho mọi hữu tình.

Lại nữa, Tát-đỏa là nghĩa của sự dũng mãnh, tinh tiến dũng mãnh mong cầu Đại của Bồ-đề, cho nên gọi là Bồ-tát. Đây là chung cho các phần vị. Nay chỉ chọn lấy các Đại Bồ-tát ở địa thượng, vì vậy nói thêm từ Ma-ha-tát.

Vì sao khen ngợi nói về công đức của Bồ-tát? Vì họ đã từ bỏ tâm khinh mạn của chúng sinh.

Có người nói thế này: “Các chúng Thanh văn vì đã tu tập phạm hạnh từ lâu, các chúng Bồ-tát nên cung kính, lễ bái, đồng thời cũng làm cho chúng sinh phát khởi niềm tin thanh tịnh”.

Bồ-tát hãy còn có công đức như vậy, huống là Đức Như Lai. Ở đây nói là ca ngợi công đức của Bồ-tát, chính là hiển bày các Bồ-tát có ba việc lớn lao, cho nên gọi là Ma-ha-tát.

1. Số lượng lớn lao, bởi vì vô lượng.
2. Đức lớn lao, nghĩa là an trú trong Đại thừa, hiện bày diệu dụng trong pháp Đại thừa...
3. Nghiệp lớn lao, tức dứt trừ mọi khổ não của chúng sinh, đem lại lợi ích yên vui cho hữu tình là sự nghiệp của Bồ-tát.

Từ cõi nước chư Phật, các Bồ-tát cùng đến đây dự hội. Nghĩa là từ

vô số các cõi Phật trong mười phương, vì muốn được nghe Phật giảng nói pháp, cho nên các Bồ-tát đều đến dự đông đủ. Cũng có chư vị Bồ-tát ở thế giới Ta bà đến tham dự pháp hội, nhưng người kết tập kinh chỉ nói Bồ-tát ở phương khác vân tập đến, vì muốn đối trị những Bồ-tát lười biếng kiêu mạn, không đến tập hợp trong chúng hội để cầu nghe pháp.

Bồ-tát từ phương khác đến như vậy là chính mình cầu mong được nghe pháp, chứ không phải do người khác dẫn dắt, vì tất cả đều có đủ thần lực vĩ đại. Các Bồ-tát ấy đã từ một cõi rất xa của các thế giới khác đến đây để dự hội, huống là các Bồ-tát ở cõi này lại không đến tập hợp sao?

Chúng Thanh văn, trước không thấy nói đến việc tập hợp, vì họ đang cư ngụ tại phương này. Hôm nay, nói các Bồ-tát từ phương khác đến đây để dự hội, cho nên biết cũng có các Bồ-tát ở ngay phương này, vì giản lược cho nên không nói.

Căn cứ trong đức độ lớn lao, cho nên biết lược nói có chín loại đức vĩ đại:

1. Tinh tiến vĩ đại: Nghĩa là do diệu lực tinh tiến an trú trong Đại thừa. An trú trong Đại thừa mong cứu vớt hữu tình để họ xa lìa sinh tử và tự phát tâm hướng đến Bồ-đề Vô thượng.

2. Nhân vĩ đại: Nghĩa là Bồ-tát hiện bày diệu dụng trong pháp Đại thừa, tức là mười địa... Dùng hạnh nghe, tư duy, tu tập... lần lượt hiện bày diệu dụng.

3. Sở duyên vĩ đại: Nghĩa là đối với các chúng sinh, tâm Bồ-tát luôn bình đẳng. Ngay nơi tất cả hữu tình đạt được sự bình đẳng giữa mình và người, dùng các phương tiện bình đẳng như tâm Đại Bi...

4. Thời gian vĩ đại: Nghĩa là Bồ-tát xa lìa mọi sự phân biệt, không phân biệt về vô số các thứ phân biệt, tức là đối với tất cả thời gian, cũng như trong một niệm đều chuyển biến bình đẳng.

Kiếp gọi là phân biệt, bởi vì đối với tất cả kiếp và không phải kiếp đều đoạn hết phân biệt. Bởi vì không phân biệt kiếp và phi kiếp, cho nên Bồ-tát có thể tu hành trong thời gian lâu dài, không hề thấy chán.

5. Không cấu nhiễm vĩ đại: Nghĩa là phá trừ các thứ ma oán, vì buông bỏ tất cả những gì đã thâm nhận, cho nên có thể hàng phục các ma oán. Như nói: “Nếu Bồ-tát đối với tất cả các sự việc đã thâm nhận, biết rõ là không chắc thật, tâm không tham cầu, thì có thể phá tan mọi thứ ma oán”.

6. Tác ý vĩ đại: Nghĩa là xa lìa tất cả ý nghĩ phân biệt, ràng buộc trong ý niệm của hàng Thanh văn, Độc giác, tức là lìa bỏ phần đoạn,

dứt trừ mọi tác ý của hàng Nhị thừa.

7. Nhậm trì vĩ đại: Nghĩa là pháp vị rộng lớn, vui mừng vì được gìn giữ, tức là dùng sự vui mừng đối với pháp vị của Đại thừa để làm thức ăn.

8. Thanh tịnh vĩ đại: Nghĩa là vượt qua năm sợ hãi, tức là ba nghiệp thanh tịnh, thoát khỏi mọi sợ hãi, không phạm giới..., vì phạm giới là nhân của sợ hãi sẽ bị đọa vào các cõi ác...

Năm thức sợ hãi:

1. Sợ không sống nổi.
2. Sợ tiếng xấu ác.
3. Sợ chết.
4. Sợ cõi ác.
5. Khiếp sợ đại chúng.

Năm thứ sợ hãi như vậy khi chứng đắc địa ý lạc thanh tịnh thì đều xa lìa.

9. Chứng đắc vĩ đại: Nghĩa là luôn luôn hưởng tới tiến vào phần vị không thối chuyển, tức là được bậc Nhất thiết trí thọ ký. Bồ-tát ở vào phần vị luôn luôn không lùi lại. Trong bảy địa trước còn có công dụng vận chuyển của gia hạnh, chưa chứng được đạo không dụng công, không thối chuyển. Các địa còn lại đều được không gia hạnh đối với công dụng vận chuyển, luôn luôn hưởng tới tiến vào phần vị không thối chuyển. Vì đạo không dụng công của phần vị không thối chuyển, luôn luôn hưởng tới tiến vào, cho nên gọi là một mực hưởng đến tiến vào phần vị không thối chuyển.

Sự nghiệp vĩ đại này chấm dứt tất cả khổ não đã bức bách các chúng sinh, mà Bồ-tát hóa hiện trước mắt, nghĩa là các Bồ-tát có khả năng dứt trừ mọi khổ não trong ngoài, luôn bức bách tất cả chúng sinh bằng chính phần vị hiện có của mình.

Trong địa này có Đại Bi, Đại Từ. Hai loại này có khả năng chấm dứt mọi khổ não của tất cả chúng bệnh bên trong... Bên ngoài thì bị phiền não bức bách do nghèo nàn... thì hai loại này làm ra nhiều lợi ích yên vui cho hữu tình. Có được công hạnh này cho nên gọi là sự nghiệp vĩ đại.

Lại nữa, đều an trú trong Đại thừa, là an trú ở địa thứ nhất, khi Bồ-tát chứng đạt được Chân pháp giới trùm khắp viên mãn, mới chứng được pháp Đại thừa chân thật, cho nên gọi là an trú trong Đại thừa.

Hiện bày diệu dụng trong pháp Đại thừa nghĩa là địa thứ hai, tu hành ba tụ giới của Bồ-tát. Pháp hành của Đại thừa, tức là ba tụ giới.

Tâm Bồ-tát luôn bình đẳng đối với mọi chúng sinh: Nghĩa là trong địa thứ ba chứng được các định thù thắng, phát khởi bốn vô lượng bình đẳng, đem lại lợi ích yên vui cho mọi hữu tình.

Xa rời mọi sự phân biệt: Ở địa thứ tư, Bồ-tát chứng được ba mươi bảy pháp phần Bồ-đề, lìa xa mọi sự phân biệt và không phân biệt đối với vô số các thứ phân biệt.

Các thứ phân biệt: Tức phân biệt ngã chấp, do kiến đạo mà đoạn trừ nó. Bồ-tát địa thứ nhất đã xa lìa phần này.

Không phân biệt là Câu sinh ngã chấp, do tu đạo mà đoạn trừ chấp trước. Trong địa này thì đã xa lìa. Hai loại này tương ứng với các pháp, gọi là vô số các thứ phân biệt, vì hạnh và kiến giải đều khác nhau. Mặc dù trước-sau đều xa lìa nơi chốn cùng tận, nhưng nói chung như định thứ tư thì nói là xa lìa khổ vui, như ở quả vị thứ ba thì xa lìa năm phần dưới (Năm hạ phần kiết sử).

Có nghĩa, trong thức thứ bảy của địa này, câu sinh phiền não đều xa lìa tất cả. Có nghĩa trong thức thứ sáu của địa này, câu sinh ngã kiến đã xa lìa hết thảy, chứ không phải trong thức thứ bảy. Vì từ bảy địa trở lại, vẫn còn có sự hiện hành của phiền não vi tế.

Nếu không có thức thứ bảy thì sẽ không có chỗ dựa của sự cấu nhiễm, cho nên không giống năm thức trước. Nếu đã xa lìa các hoặc vi tế trong thức thứ bảy thì các hoặc thô trước của sáu thức sẽ không hiện hành ở các địa thứ năm-thứ sáu-thứ bảy, tức là trái với phần Du Già đã nói trong kinh Giải Thâm Mật.

Lại nữa, theo như trong định Kim cang dụ của Nhị thừa, các mê lầm của thức thứ bảy và phiền não rất nhỏ nhất trong sáu thức đều được đoạn trong cùng một lúc, vì sao ở đây, trước thì nói phiền não vi tế của thức thứ bảy, sau lại nói lìa phiền não thô trước của sáu thức?

Vì vậy, bốn địa đã chứng được trí vô ngã, diệt trừ sự ngã chấp câu sinh trong ý thức, nhưng vẫn chưa xa lìa phiền não vi tế trong thức thứ bảy, cùng sự tu tập đoạn diệt hoặc còn lại trong sáu thức.

Đây là nói hàng phục và xa lìa, chứ không phải là nói vĩnh viễn trừ diệt. lúc đạt đến tâm kim cang trong địa thứ mười, thì mới nhanh chóng đoạn trừ, do tu đoạn chủng tử.

Đẹp tan các ma oán, là địa thứ năm quán sát bốn Thánh đế đều là tánh bình đẳng, phá tan các ma oán, chấp giữ về sự khác biệt của sinh tử và Niết-bàn. Xa lìa tất cả phân biệt hệ niệm của hàng Thanh văn, Độc giác, là địa thứ sáu, quán sát mười hai chi duyên khởi nhiễm-tịnh, đều là tánh bình đẳng. Tức là xa lìa hệ niệm phân biệt về chán sợ tạp nhiễm

và ưa thích thanh tịnh của hàng Nhị thừa.

Pháp Vị rộng lớn, vui mừng được gìn giữ là địa thứ bảy chứng đắc lý Vô tướng, khởi lên công hạnh hữu vi thù thắng từ trong trí Không, thọ nhận nguồn vui pháp lớn lao.

Vượt qua năm thứ sợ hãi: Nghĩa là trong địa thứ tám thì tất cả phiền não đều không còn hiện hành nữa, lìa khỏi nhân của năm thức sợ hãi, cho nên gọi là vượt khỏi năm thức sợ hãi. Về quả của năm thức sợ hãi thì ở địa thứ nhất đã xa lìa.

Luôn luôn hướng tới tiến vào phần vị không thối chuyển là địa thứ chín quyết định hướng tới tiến vào phần vị không thối chuyển của chúng Bồ-tát trong địa thứ mười với hạnh viên mãn.

Chấm dứt mọi khổ não của chúng sinh... nghĩa là trong địa thứ mười, chứng được Pháp thân vĩ đại, dấy lên làn mây Đại Bi, mưa xuống trận mưa pháp lớn diệt trừ mọi sự khổ não bức bách của tất cả chúng sinh.

Lại nữa, với mười câu văn kinh như vậy, có mười lần đến bờ bên kia và mười nguyện lớn... của Bồ-tát, cũng cho nên phối hợp giải thích.

Vì địa thứ nhất trở lên trong mỗi mỗi địa đều thấu nhiếp khắp tất cả mọi hành của các địa.

Bồ-tát Diệu Sinh làm bậc thượng thủ, vì Bồ-tát có khả năng phát khởi công đức viên mãn trong các Tam-ma-địa, cho nên gọi là Diệu Sinh. Vì Bồ-tát đã chứng được Tam-ma-địa này, cho nên danh hiệu là Diệu Sinh. Vì danh hiệu của Bồ-tát phần nhiều đều dựa vào pháp, như Từ Thị...

Vì Bồ-tát Diệu Sinh là bậc đứng đầu trong chúng hội này, cho nên gọi là thượng thủ. Vì vậy từ đây trở về sau, Phật chỉ nói với Bồ-tát Diệu Sinh, là người đã phát khởi cho sự giảng nói kinh này. Vốn giản lược cho nên chỉ nêu một danh hiệu, các chúng còn lại trong pháp hội chỉ nêu ra số lượng, vì người kết tập pháp có chủ ý ở sự giản lược.

